TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2023/QĐSTHNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Ngọc H, sinh năm 1986; nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi tạm trú: ô số I, lô B, đường N, Tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: ông Trần Văn D, sinh năm 1987; nơi thường trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: ô số I, lô B, đường N, Tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày:

Bà H và ông D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 01 tháng 8 năm 2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 01 tháng 8 năm 2022. Sau khi kết hôn, bà H và ông D sinh sống tại ô số 9, lô B, đường N, Tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh

Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau và không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống. Từ đó, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng không còn yêu thương nhau như lúc mới kết hôn. Hiện nay, bà H và ông D đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Về con chung: tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn bà H trình bày nguyên đơn và bị đơn có một chung tên Trần Thị Huyền T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2012. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Huyền T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2012, bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Trích lục kết hôn (bản sao).

Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông D do ông D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Theo kết quả xác minh ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương được biết: ông D có đăng ký tạm trú tại ô số 9, lô B, đường N, Tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông D theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông D, trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông D không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn về việc nguyên đơn bà H yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại nơi cư trú được biết: bà H và ông D là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, bà H và ông D có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã.

Tại phiên tòa: nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về con chung. Nguyên đơn bà H xác định, nguyên đơn và bị đơn không có con chung. Do đó, nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung. Nguyên đơn bà H không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về con chung; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với con chung, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2012. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định nguyên đơn và bị đơn không có con chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về con chung. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ vào các Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông D có nơi cư trú tại ô số 9, lô B, đường N, tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn ông D vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn bà H xác định nguyên đơn bà H và bị đơn ông D không có con chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: bà H và ông D tự nguyện kết hôn vào ngày 01 tháng 8 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 01 tháng 8 năm 2022, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H yêu cầu ly hôn với ông D với lý do: vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau và không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, không còn yêu thương

nhau như lúc mới kết hôn. Bà H và ông D đã ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: bà H và ông D là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, bà H và ông D có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã.

Xét thấy, bà H và ông D phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích sống chung không có ý nghĩa. Bà H và ông D không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H đối với bị đơn ông D là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc H đối với bị đơn ông Trần Văn D về việc ly hôn.

Về hôn nhân: bà Lê Ngọc H được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0010246 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Phú Thanh A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Thảo